

**BỆNH VIỆN CHUYÊN KHOA 27 THÁNG 2**  
**KHOA DƯỢC – VT TTB YT**

**BẢN TIN SỐ 01 - 2024**

**HOẠT ĐỘNG DƯỢC LÂM SÀNG TRONG 09 THÁNG ĐẦU NĂM**

**Nội dung:**

- Tổng kết các hoạt động dược lâm sàng trong bệnh viện
- Thông tin thuốc mới sử dụng trong bệnh viện năm 2024

**I. Tổng kết các hoạt động dược lâm sàng trong bệnh viện**

**1/. Giám sát đơn thuốc ngoại trú ngoại trú BHYT**

- Có tổng cộng 34.253 đơn thuốc được giám sát về chỉ định, liều dùng và cách dùng,... trong đó có 55 đơn cần điều chỉnh, đa số các đơn thuốc đều thiếu chẩn đoán phụ do đánh máy thiếu.

**2/. Báo cáo ADR**

- 09 báo cáo ADR gửi về trung tâm DI & ADR quốc gia.

**3/. Thông tin thuốc: thực hiện 12 thông tin thuốc**

- 12 thông tin thuốc đình chỉ lưu hành

**II. Thuốc kháng sinh sử dụng trong đơn vị**

**1/. DIVASER-F (Betahistin 16mg)**

**Chỉ định:**

- Betahistine được chỉ định để điều trị các triệu chứng như ù tai (ù tai), hoa mắt, chóng mặt, nôn ói, nhức đầu và đôi khi kèm theo mất thính lực.

**Liều dùng:**

- Liều khởi đầu cho người lớn: 8mg x 3-4 lần/ ngày
- Liều duy trì 8-16 mg/ ngày
- Liều tối đa 32 mg/ ngày

**Chống chỉ định:**

- Trẻ em < 12 tuổi
- Loét dạ dày - tá tràng hoặc có tiền sử về bệnh này.
- U tử thượng thận

**Lưu ý đặc biệt và thận trọng khi sử dụng:**

Thận trọng cho người bị hen suyễn do có thể gây co thắt phế quản

Phụ nữ có thai, cho con bú, trẻ em

Không nên kết hợp thuốc kháng histamin.

**2./ LAMOSTAD 50 (Lamotrigine 50 mg)**

**Chỉ định:**

- Điều trị động kinh
- Rối loạn lưỡng cực

**Cách dùng:** uống nguyên viên, không bẻ, không nhai

**- Liều dùng ở bệnh nhân người lớn suy chức năng thận:**

<b>Độ thanh thải creatinin</b>	<b>Liều dùng khuyến cáo</b>
30	Không điều chỉnh liều
10 đến < 30	Một liều bình thường cho mỗi 24 giờ
< 10 (không chạy thận nhân tạo)	Một liều bình thường cho mỗi 48 giờ
Chạy thận nhân tạo	Một liều bình thường duy nhất nên dùng vào cuối đợt thẩm tích.

Trẻ em:

- Trẻ em từ 3 tháng - 1 tuổi: 10 mg/kg/lần (tối đa 125 mg/lần), 12 giờ một lần.
- Trẻ em từ 2 - 12 tuổi: 15 mg/kg/lần (tối đa 250 mg/lần), 12 giờ một lần.
- Trẻ em từ 12 - 17 tuổi: 250 mg/lần, 12 giờ một lần.
- Liều dùng có thể tăng gấp đôi trong trường hợp nhiễm khuẩn hô hấp dưới nặng hoặc khi nghi ngờ viêm phổi. Liều dùng có thể giảm xuống 125 mg/lần, 12 giờ một lần trong trường hợp nhiễm trùng tiết niệu dưới.

**3./ CEFACLOR 375 mg**

**Chỉ định – Liều dùng:**

- Viêm phế quản cấp và đợt cấp của viêm phế quản mạn: 375 mg/ lần, ngày 2 lần
- Viêm họng, viêm amidan, nhiễm khuẩn da và cấu trúc da: 375 mg/ lần, ngày 2 lần
- Viêm phổi, Viêm xoang: 750 mg / lần, ngày 2 lần
- Nhiễm khuẩn đường tiết niệu dưới: 375 mg mỗi lần, ngày 2 lần
- Trong điều trị nhiễm khuẩn do liên cầu nhóm A, nên dùng cefaclor ít nhất 10 ngày.

#### **4./ CEFPODOXIME 100 mg**

##### **Chỉ định - Liều dùng:**

- **Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:**  
 Uống 100 - 400 mgx 2 lần/ngày, cách nhau 12 giờ
  - + Đợt cấp tính của viêm phế quản mạn hoặc viêm phổi thể nhẹ đến vừa mắc phải của cộng đồng: 200 mgx 2 lần/ngày, cách nhau 12 giờ, trong 10 hoặc 14 ngày,
  - + Viêm họng , viêm amidan do nhiễm Streptococcus pyogenes:  
 100 mg x 2 lần/ngày, cách nhau 12 giờ, trong 5 - 10 ngày
  - + Nhiễm khuẩn da và các tổ chức da thể nhẹ và vừa chưa biến chứng:  
 400x 2 lần/ngày, cách nhau 12 giờ, trong 7 - 14 ngày
  - + Nhiễm khuẩn đường tiết niệu thể nhẹ và vừa, chưa có biến chứng:  
 100 mg x 2 lần/ngày, cách nhau 12 giờ, trong 7 ngày
- **Trẻ em từ 2 tháng tuổi đến 12 tuổi:** Uống 10 mg/kg/ngày, chia làm 2 lần, cách nhau 12 giờ (liều tối đa 400 mg/ ngày).
- **Trẻ em từ 2 tháng tuổi đến 6 tuổi:** Có thể sử dụng dạng cốm pha hỗn dịch uống Cebest hoặc theo chỉ định của bác sĩ
  - + Viêm tai giữa cấp: 5 mg/kg (cho tới 200 mg) x 2 lần/ngày, cách nhau 12 giờ, trong 5 ngày
  - + Viêm họng và amidan do nhiễm Streptococcus pyogenes: 5 mg/kg (cho tới 100 mg) x 2 lần/ngày, cách nhau 12 giờ, trong 5 - 10 ngày

- + Viêm xoang cấp: 5 mg/kg (cho tới 200 mg) x 2 lần/ngày, cách nhau 12 giờ, trong 10 ngày
- + Viêm phổi mắc tại cộng đồng, đợt cấp do viêm phế quản mạn: 200 mg x 2 lần/ngày, cách nhau 12 giờ, trong 14 ngày và 10 ngày tương ứng
- + Nhiễm khuẩn đường tiết niệu không biến chứng: 100 mg x 2 lần/ngày, cách nhau 12 giờ, trong 7 ngày

## **5./ CIPROFLOXACIN 500 mg**

### **Chỉ định – Liều dùng:**

- Nhiễm khuẩn đường hô hấp dưới: 500 – 750 mg x 2 lần/ ngày, 7 – 14 ngày
- Nhiễm khuẩn đường hô hấp trên
  - + Viêm tai mũi họng mạn tính: 500 – 750 mg x 2 lần/ ngày, 7 – 14 ngày
  - + Viêm tai ngoài ác tính: 750 mg x 2 lần/ ngày, 28 ngày đến 3 tháng
- Nhiễm khuẩn đường tiết niệu:
  - + Viêm đường tiết niệu có biến chứng, viêm thận không biến chứng: 500 mg x 2 lần/ ngày, 3 ngày
  - + Viêm thận có biến chứng: 500 – 750 mg x 2 lần/ ngày (ít nhất 10 ngày, 21 ngày trường hợp áp xe)
  - + viêm tuyến tiền liệt: 500 – 750 mg x 2 lần/ ngày, 2 – 4 tuần (cấp); 4 – 6 tuần (mạn)
- Nhiễm khuẩn sinh dục:
  - + lậu cầu, viêm cổ tử cung: 500 mg liều duy nhất
  - + Viêm tinh hoàn, viêm vùng chậu: 500 – 750 mg x 2 lần/ ngày, ít nhất 14 ngày
- Nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, ổ bụng:
  - + tiêu chảy do các vi khuẩn gây bệnh như Shingella spp. Trừ Sharda dysenteriae loại 1 và điều trị theo kinh nghiệm của bệnh tiêu chả nặng: : 500 mg x 2 lần/ ngày, dùng 1 ngày
  - + tiêu chảy do Shingella dysenteriae loại 1: 500 mg x 2 lần/ ngày, dùng 5 ngày
  - + tiêu chảy do Vibrio cholerae: 500 mg x 2 lần/ ngày, dùng 3 ngày

- + sốt thương hàn: 500 mg x 2 lần/ ngày, dùng 7 ngày
- + nhiễm khuẩn ổ bụng do vi khuẩn gram âm: 500 – 750 mg x 2 lần/ ngày, 5 – 14 ngày.
- **Nhiễm khuẩn da và mô mềm: 500 – 750 mg x 2 lần/ ngày, 14 ngày.**
- Nhiễm khuẩn xương khớp: 500 – 750 mg x 2 lần/ ngày, tối đa 3 tháng
- Nhiễm khuẩn đường tiết niệu không phức tạp: 250 mg x 2 lần/ ngày, 3 ngày
- Đợt cấp viêm phế quản mạn tính: 500 – 700 mg x 2 lần/ ngày, 7 – 14 ngày
- Viêm xoang cấp tính do vi khuẩn: 500 mg x 2 lần/ ngày, dùng 10 ngày
- **Liều dùng ở bệnh nhân người lớn suy chức năng thận:**

<b>Độ thanh thải creatinin (ml/phút/1,73m<sup>2</sup>)</b>	<b>Creatinin huyết thanh (μmol/l)</b>	<b>Liều dùng mg</b>
30 - 60	124 - 168	250 – 500 mg/ 2 lần/ ngày
< 30	> 169	250 – 500 mg/ 1 lần/ ngày
Bệnh nhân thẩm tách máu	> 169	250 – 500 mg/ 1 lần/ ngày (sau thẩm tách)
Bệnh nhân chạy thận nhân tạo	> 169	250 – 500 mg/ 1 lần/ ngày

## **6./ MINOCYCLIN 50 MG**

### **Chỉ định – Liều dùng:**

- Điều trị trong các trường hợp mụn trứng cá: 50 mg/lần x 2 lần/ ngày hoặc 100 mg/ lần x 1 lần.
- Bệnh lậu:
  - + Đàn ông trưởng thành: 200 mg liều khởi đầu, tiếp theo là 100 mg mỗi 12 giờ, ít nhất trong 4 ngày, cấy nước tiểu kiểm tra trong vòng 2 – 3 ngày sau khi ngưng thuốc.

+ Phụ nữ trưởng thành: được điều trị 10 – 14 ngày với liều tương tự như chỉ định cho đàn ông.

## **7./ DOXYCYCLIN**

### **Chỉ định – Liều dùng:**

- Nhiễm khuẩn mạn tính đường tiết niệu: 200 mg/ ngày trong suốt thời gian điều trị
- Các bệnh lây truyền qua đường tình dục: 100 mg x 2 lần/ ngày trong 7 ngày
- Viêm mào tinh hoàn cấp tính: 100 mg x 2 lần/ ngày trong 10 ngày
- Bệnh giang mai tiên phát và thứ phát: 300 mg/ ngày chia 3 lần, ít nhất 10 ngày

## **8./ ROXITHROMYCIN 150 MG**

### **Chỉ định:**

- *Nhiễm khuẩn đường hô hấp trên:* Viêm họng do liên cầu tan huyết nhóm A, là một phương pháp thay thế cho liệu pháp beta-lactam, đặc biệt khi không thể sử dụng beta-lactam; Viêm xoang cấp tính khi không thể điều trị với beta-lactam; viêm amidan.
- *Nhiễm khuẩn đường hô hấp dưới:* Viêm phế quản cấp; đợt cấp của viêm phế quản mạn tính; viêm phổi cộng đồng khi không có các yếu tố nguy cơ, không có dấu hiệu lâm sàng nghiêm trọng và không có bằng chứng lâm sàng gợi ý nguyên nhân do phế cầu; Viêm phổi không điển hình.
- *Nhiễm khuẩn da lành tính:* chốc lở da, mụn mủ, viêm da thoái tính nhiễm khuẩn (đặc biệt là viêm quầng), nhiễm khuẩn da mạn tính (do *Corynebacterium minutissimum*).

Nhiễm khuẩn sinh dục không phải do lậu cầu.

### **Liều dùng:**

Roxithromycin được dùng uống. Nên uống thuốc trước bữa ăn ít nhất 15 phút.

*Người lớn:* 150 mg/lần, 2 lần/ngày.

*Trẻ em:* Cân nặng từ 6 kg đến 40 kg: Uống 5 - 8 mg/kg/ngày, chia làm 2 lần.

Đợt điều trị kéo dài không quá 10 ngày. Liều lượng tối đa ở trẻ em không vượt quá 300 mg/ngày.

**NGƯỜI BÁO CÁO**

**KHOA DƯỢC**